

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Lãnh thổ nước ta

- A. tiếp giáp với nhiều đại dương.
- B. có các loại gió thổi theo mùa.
- C. tiếp giáp vùng biển ở phía tây.
- D. có vùng đất rộng hơn vùng biển.

Câu 2: Đô thị ở nước ta hiện nay

- A. có lực lượng lao động dồi dào.
- B. đều có cùng một cấp phân loại.
- C. chất lượng cuộc sống còn thấp.
- D. tập trung chủ yếu ở miền núi.

Câu 3: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

- A. Cây lương thực.
- B. Cây ăn quả.
- C. Cây công nghiệp.
- D. Cây rau đậu.

Câu 4: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm

- A. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.
- B. sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy vi tính.
- C. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy kéo.
- D. sản xuất máy móc điện tử, sản xuất máy kéo.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay?

- A. Vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.
- B. Mạng lưới đường thủy nội địa phát triển và phân bố rộng khắp ở các vùng.
- C. Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất.
- D. Hàng không là ngành có khối lượng vận chuyển hàng hoá rất lớn và tăng nhanh.

Câu 6: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. chủ yếu phát triển ở miền núi
- B. chưa sử dụng hệ thống vệ tinh.
- C. phát triển theo hướng hiện đại.
- D. gồm nhiều bưu điện văn hoá xã.

Câu 7: Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh

- A. Quảng Ninh.
- B. Nam Định.
- C. Ninh Bình.
- D. Hà Nam

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay?

- A. Thu hút các nguồn đầu tư.
- B. Tạo nhiều cơ hội việc làm.
- C. Được phát triển từ rất sớm.
- D. Có cơ sở hạ tầng đảm bảo.

Câu 9: Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là

- A. ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, bãi tắm đẹp.
- B. giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.
- C. có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
- D. nhiều bãi tắm đẹp, nhiều vịnh nước sâu kín gió.

Câu 10: Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A. Khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển.
- B. Khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển.
- C. Khu vực miền núi, trung du có trồng nhiều cây công nghiệp.
- D. Khu vực đồng bằng có trồng nhiều cây hương thực, thực phẩm.

Câu 11: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.
- B. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.
- D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

Câu 12: Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

- A. tăng cường sử dụng máy móc, thay đổi thời thời gian sản xuất
- B. đẩy mạnh đào tạo nghề, tăng giờ làm và trẻ hóa lao động.
- C. hiện đại hóa sản xuất, chú trọng phát triển y tế và giáo dục.
- D. áp dụng nhiều kĩ thuật hiện đại, nâng cao độ tuổi lao động

Câu 13: Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch

- A. sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá cồng chiêng.
- B. biển đảo, sinh thái gắn với tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số.
- C. đô thị, MICE, tìm hiểu lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái biển, đảo.
- D. nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với di sản, tìm hiểu văn hoá biển, ẩm thực biển.

Câu 14: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo động lực cho vùng phát triển, giải quyết tốt việc làm.
- B. giải quyết nhu cầu về điện cho vùng, phát triển thủy lợi.
- C. khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.
- D. điều tiết lũ cho đồng bằng, nâng cao đời sống người dân.

Câu 15: Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do

- A. địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.
- B. frông, Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và hướng địa hình.
- C. hướng các dãy núi, Tín phong Nam bán cầu và áp thấp nhiệt đới.
- D. vị trí tiếp giáp biển, các gió hướng tây nam và áp thấp nhiệt đới.

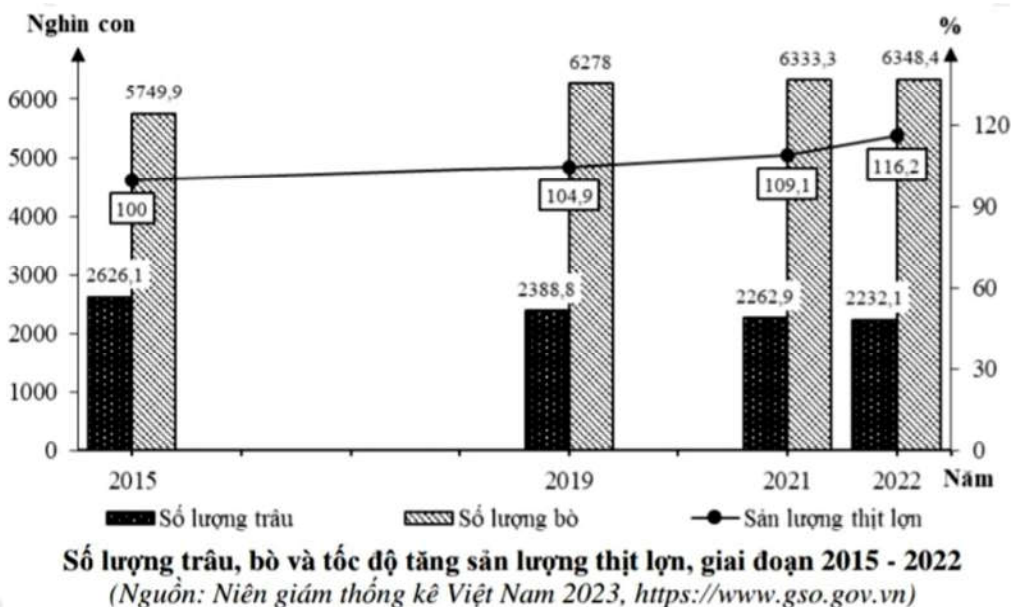
Câu 16: Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.
- B. đường bờ biển kéo dài, có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. nhiều vùng trũng đồng bằng, trình độ lao động nâng cao.
- D. lao động giàu kinh nghiệm, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 17: Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là

- A. địa hình phân lớn đồi núi, xen kẽ các cao nguyên.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.
- C. khu vực đồi núi thấp có đất feralit diện tích lớn.
- D. khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

Câu 18: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng trâu có xu hướng tăng, số lượng bò có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng thịt lợn và số lượng trâu đều có xu hướng tăng liên tục.
- C. Tỷ trọng đàn bò năm 2021 chiếm 73,9% tổng đàn trâu bò cả nước.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, hoạt động du lịch của Việt Nam trên đà phát triển. Lượng khách quốc tế đến, khách nội địa và doanh thu du lịch không ngừng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến

nhiều hơn, trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng.

- a) Hoạt động du lịch nước ta trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- c) Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng.
- d) Xu hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch cộng đồng diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong báo cáo năm 2020 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch Việt Nam có đưa ra khái niệm: Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

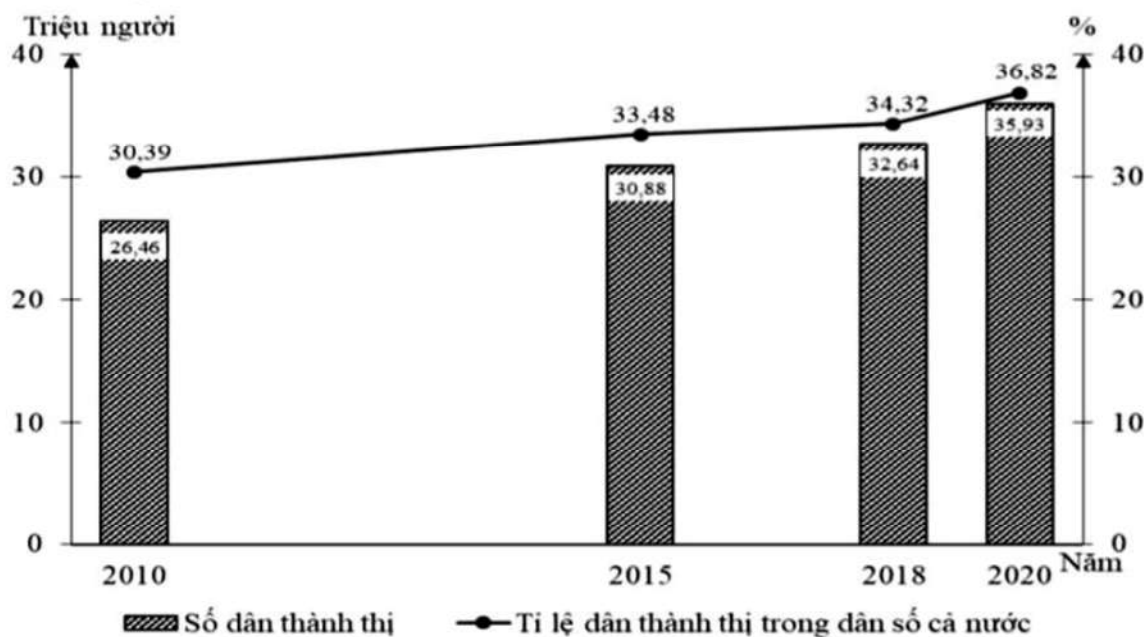
- a) Phát triển du lịch xanh giúp khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.
- b) Du lịch xanh chịu sự tác động rất lớn của tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa - nhân văn.
- c) Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh hơn.
- d) Du lịch xanh là hình thức phát triển cao nhất, hiệu quả và toàn diện nhất so với các hình thức phát triển du lịch hiện nay.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, khu vực rừng ở Bắc Trung Bộ có nhiều loại gỗ, lâm sản, các loài động vật quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam. Ở đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia như Pù Mát, Phong Nha - Kẻ Bàng....

- a) Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Rừng ở Bắc Trung Bộ vừa có giá trị kinh tế - xã hội, vừa có giá trị về môi trường sinh thái.
- c) Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản, chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt.
- d) Rừng giàu tập trung chủ yếu ở vùng đồi trước núi, có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ tính đa dạng sinh học.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2010 - 2020

5 (Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

- Tỉ lệ dân nông thôn luôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị.
- Dân số thành thị tăng liên tục, tăng thêm 6,43 triệu người.
- Số dân nông thôn tăng 1,14 triệu người trong giai đoạn 2010 - 2020.
- Tỉ lệ dân nông thôn giảm chủ yếu do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội năm 2022

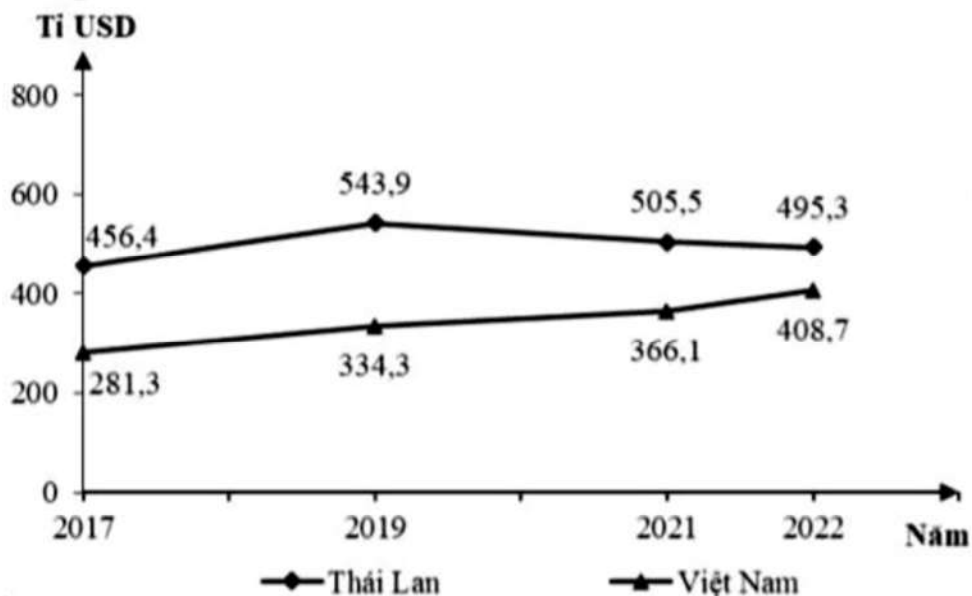
(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Hà Nội (Láng) | 18,6 | 15,3 | 23,1 | 24,8 | 26,8 | 31,4 | 30,6 | 29,9 | 29,0 | 26,2 | 26,0 | 17,8 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022 là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho biểu đồ:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Cho biết trong giai đoạn 2017 - 2022, cho biết năm nào tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất?

Câu 3: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km². Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP GIAI ĐOẠN 2018 – 2021

| Năm | 2018 | 2021 |
|-----------------------------------|---------|---------|
| Số dự án (dự án) | 3147 | 1818 |
| Tổng vốn đăng kí (Triệu đô la Mỹ) | 36368,6 | 38854,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính chênh lệch bình quân số vốn đăng kí số dự án giữa năm 2021 với 2018 (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của Triệu đô la Mỹ/dự án).

Câu 5: Vận tải hành khách năm 2022 của nước ta đạt 4025 triệu lượt khách vận chuyển, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3694,4 triệu lượt khách vận chuyển. Tính tỉ trọng vận chuyển hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của một số tỉnh nước ta năm 2022

| Tỉnh | Bắc Ninh | Thái Bình | Nam Định |
|-----------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| Diện tích (nghìn ha) | 61,1 | 160,7 | 146,0 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 397,2 | 1045,6 | 889,4 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt của tỉnh thấp nhất là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----